

QUYẾT ĐỊNH PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**V/v yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản,
phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Hoàng Anh

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Hùng Nuôi

2. Ông Nguyễn Hoàng Thành

- Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên họp: Bà Trần Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng mở phiên họp công khai việc dân sự thụ lý số 124/2019/TLPT-VDS, ngày 04/9/2019 về việc “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án*”.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐST-VDS, ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 190/2019/QĐPT-VDS ngày 09 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông A, sinh năm 1957.(có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1 Ông B.(vắng mặt)

2.2 Bà C.(có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: ông A, người yêu cầu giải quyết việc dân sự.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung việc dân sự được tóm tắt như sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông A trình bày:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2015/DS-ST, ngày 28/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng, xét xử về việc tranh chấp hợp đồng góp hui giữa nguyên đơn ông A, bị đơn ông B và bà C. Theo nội dung bản án, buộc ông B và bà C phải trả cho ông A tổng số tiền 42.900.000 đồng.

Trên cơ sở bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật nêu trên, ngày 12/10/2015 Chi cục thi hành án huyện P ra Quyết định thi hành án số 27/QĐ-CCTHA, số 29/QĐ-CCTHA để Thi hành án. Trong quá trình Chi cục Thi hành án tiến hành giải quyết theo trình tự, thủ tục của pháp luật, qua xác minh điều kiện thi hành án, thì ông B và bà C có quản lý sử dụng tài sản thừa kế từ cha của ông B là ông D để lại sử dụng từ năm 1993 đến nay. Thửa đất số 702, diện tích 900m² và thửa 703, diện tích 700m², hai thửa đất nêu trên thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất một căn nhà có diện tích 4,9m x 10m mái lợp tol kẽm, nền lót gạch men, vách tường được cất trên phần đất có diện tích 6.000m², thuộc thửa số 716, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P. Từ khi bản án có hiệu lực thi hành án, Chi cục Thi hành án huyện P thụ lý giải quyết đã hơn 03 năm, tiến hành động viên để các bên thỏa thuận Thi hành án. Nhưng ông B và bà C không chịu trả số tiền còn thiếu cho ông A.

Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông B và bà C trong khối tài sản chung của hộ gia đình mà ông B và bà C đã sử dụng hơn 15 năm do cha mẹ chết để lại gồm 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 702, diện tích 900m²; thửa 703, diện tích 700m² và thửa số 716 diện tích 6.000m², cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P cùng với căn nhà số 186, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B và bà C thống nhất trình bày:

Đối với các thửa đất mà ông A yêu cầu, các phần đất này là của cha mẹ ruột ông B tên là ông D và bà E (ông D và bà E đã chết). Ông D và bà E có 06 người con bao gồm: ông B, bà Q, bà W, bà R, bà T và bà Y, các phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, hiện ông D vẫn còn đứng tên Giấy chứng nhận, các phần đất này chưa được phân chia. Đối với căn nhà tường, máy tol, nền lót gạch men là của vợ chồng ông B và bà C được chính quyền địa phương hỗ trợ cất, nhà này là nhà tình thương hiện đang cất trên phần đất của ông D, bà E không phải đất của ông B và bà C. Vợ chồng ông B và bà C không có đất riêng, không có đứng tên trên nhà đất nào. Yêu cầu của ông A ông B và bà C đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý giải quyết như sau:

Căn cứ Điều 361, khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 74, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự ngày 25/11/2014. Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông A. Xác định: Nhà chính ngang 05m dài 10m, nhà cấp 4, xây tường, Mái lợp tol kẽm, nền lót gạch men, đòn tay kẽm và nhà phụ (cặp bên nhà chính) Ngang 04 m dài 10m, cửa chính, cửa sổ bằng gỗ lá xác, mặt trước xây tường, vách gỗ, máy lợp tol kẽm, đòn tay bằng gỗ, nền lát xi măng

xây dựng trên thửa đất 716, diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của ông B và bà C.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông A về việc yêu cầu xác định phân quyền sử dụng đất của ông B và bà C tại các thửa đất số 702, diện tích 900m²; thửa 703, diện tích 700m² và thửa số 716 diện tích 6.000m², cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra quyết định toàn tuyên về lệ phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 31/5/2019 ông A có đơn kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết thẩm định, định giá lại căn nhà chính và phụ trên thửa đất 716 và thẩm định các thửa đất 702, thửa 703 và thửa 716 để xem xét yêu cầu của ông A theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên họp phúc thẩm, nguyên đơn ông A không rút đơn đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc dân sự.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên họp phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng phiên họp không chấp nhận kháng cáo của người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông A và áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 07/2019/QĐST-VDS, ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên họp phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 374 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng phiên họp tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông B.

[2] Nội dung giải quyết việc dân sự: ông A là người được Thi hành án, còn ông B và bà C là người phải thi hành án theo bản án số 20/2015/DS-ST, ngày 28/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện P. Tuy nhiên, ông B và bà C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình theo như bản án đã tuyên. **Nên Chi cục Thi hành án huyện P thụ lý vụ việc theo quy định pháp luật.** Qua xác minh điều kiện thi hành án, thì ông B và bà C có quản lý sử dụng tài sản thừa kế từ cha của ông B là ông D bao gồm: thửa đất số 702, diện tích 900m² và thửa 703, diện tích 700m², thửa số 716 diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P và căn nhà gắn liền với thửa đất 716. Ông B và bà C cho rằng các thửa đất 702, thửa 716 và thửa 703 là đất của cha mẹ đứng tên, đối với căn nhà tường là của vợ chồng ông B và bà C được chính quyền địa phương hỗ trợ cất, nhà này là nhà tình thương hiện đang cất trên phần đất của ông D

và bà E không phải đất của ông B và bà C. Đối với yêu cầu của ông A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông A thì thấy, khi Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết việc dân sự đối với yêu cầu của ông A, trong quá trình giải quyết việc dân sự, ngày 19/3/2019 người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông A có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản mà ông A yêu cầu phân chia quyền sử hữu, phân chia quyền sử dụng đất của người thi hành án là các thửa đất số 702, diện tích 900m² và thửa 703, diện tích 700m², thửa số 716 diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P và căn nhà được cất trên thửa đất 716, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ có ông A chứng kiến và ký tên vào biên bản. Nên việc ông A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét thẩm định các tài sản bao gồm: các thửa đất số 702, diện tích 900m² và thửa 703, diện tích 700m², thửa số 716 diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P và căn nhà được cất trên thửa đất 716 là không có căn cứ, vì cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tài sản này rồi, trong khi đó ông A không chứng minh được cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc xem xét, thẩm định tài sản trong vụ việc này, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A.

[4] Việc ông A đề nghị cấp phúc thẩm định giá lại 03 căn nhà chính và nhà phụ được cất trên thửa đất 716, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P. Xét thấy, việc định giá tài sản để yêu cầu Thi hành án nằm trong giai đoạn Thi hành án, do cơ quan Thi hành án thực hiện để thi hành án. Ông A chỉ yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án*”, Như vậy Tòa án cũng đã xác định căn nhà chính và phụ này là tài sản riêng của ông B và bà C là đúng theo yêu cầu của ông A. Do đó, kháng cáo này của ông A cũng không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh của Tòa án sơ thẩm thì các thửa đất số 702, diện tích 900m² và thửa 703, diện tích 700m², thửa số 716 diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, mặc dù ông B và bà C đang quản lý sử dụng, nhưng người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ trước cho đến nay là cha của ông B là ông D, sinh thời ông D được 06 người con bao gồm: ông B, bà Q, bà W, bà R, bà T và bà Y. Ông D và vợ là bà E đã chết nên các thửa đất này là di sản thừa kế của ông D và bà E chết để lại và chưa được phân chia. Do các thửa đất này chưa được phân chia nên không thể xác định ông B, bà C có quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này hay không, nếu được chia thừa kế thì chia với diện tích bao nhiêu và chia thửa đất nào. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông A đối với 03 thửa đất 702, thửa 703 và thửa 716 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với phần căn nhà cấp 4 diện tích 5m x 10m, kết cấu mái lợp tol kẽm, nền lát xi măng, vách tường 10 được xây dựng trên thửa đất 716. Do chính ông B và bà C thừa nhận căn nhà này là tài sản chung của vợ chồng, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của ông A là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Ngoài tài sản chung giữa ông B và bà C là căn nhà ra, thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông B và bà C không còn tài sản đồng sở hữu nào khác. Đối

với 03 thửa đất 702, thửa 703 và thửa 716 là tài sản của cha mẹ ông B, không phải là tài sản đồng sở hữu của ông B và bà C.

[8] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông A là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về lệ phí việc dân sự phúc thẩm: Ông A phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ, theo biên lai thu số 0009284, ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án huyện P.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 375 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1./ Không chấp nhận kháng cáo của người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông A.

2./ Giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐST-VDS, ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ Điều 361, khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 74, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự ngày 25/11/2014. Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Chấp nhận một phần yêu cầu của ông A. Xác định: Nhà chính ngang 05m dài 10m, nhà cấp 4, xây tường, Mái lợp tol kẽm, nền lót gạch men, đòn tay kẽm và nhà phụ (cặp bên nhà chính): Ngang 04 m dài 10m, cửa chính, cửa sổ bằng gỗ lá xàc, mặt trước xây tường, vách gỗ, máy lợp tol kẽm, đòn tay bằng gỗ, nền láng xi măng xây dựng trên thửa đất 716, diện tích 6.000m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của ông B và bà C.*

2. *Không chấp nhận yêu cầu của ông A về việc yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất của ông B và bà C tại các thửa đất: số 702, diện tích 900m²; số 703, diện tích 700m², số 716 diện tích 6.000m², các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.*

3. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 750.000 đồng, theo phiếu chi số 13, quyển số 01 ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Ông A đã thực hiện xong.*

4. *Về lệ phí việc dân sự: Ông A phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006970, ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.*

3./ Về lệ phí việc dân sự phúc thẩm: Ông A phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ, theo biên lai thu số 0009284, ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Ông A đã thực hiện xong.

4./ Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện P;
- Chi cục huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS (TDS).

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Võ Hoàng Anh